

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
GIỮA NIÊN ĐỘ**

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2024**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
KHO VẬN TÂN CẢNG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024	12 - 40



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, bao gồm Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty và công ty con (sau đây gọi tắt là “nhóm Công ty”).

Khái quát về Công ty

Công ty là công ty Cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0309532497, đăng ký lần đầu ngày 04 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp. Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh 08 lần cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi do thay đổi địa chỉ, bổ sung ngành nghề kinh doanh và tăng vốn điều lệ, trong đó lần thứ 08 vào ngày 03 tháng 5 năm 2024 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Vốn điều lệ của Công ty: 199.910.200.000 đồng.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
- Điện thoại : 028 37 423 929
- Fax : 028 37 423 029
- E-mail : khovantancang@saigonnewport.com.vn

Hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch	Bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên	Tái bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đoàn Phi	Thành viên	Tái bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên	Tái bỏ nhiệm ngày 26 tháng 6 năm 2020
Ông Đỗ Thanh Trường	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng ban	Bỏ nhiệm ngày 17 tháng 6 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban điều hành, quản lý

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bỏ nhiệm/tái bỏ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Đỗ Thanh Trường	Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Đoàn Phi	Phó Giám đốc	Tái bỏ nhiệm ngày 17 tháng 4 năm 2023
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	Bỏ nhiệm ngày 11 tháng 5 năm 2021
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	Bỏ nhiệm ngày 04 tháng 9 năm 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này như sau:

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /miễn nhiệm
Ông Đỗ Thanh Trường	Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Trần Quang Thảo	Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 của nhóm Công ty.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của nhóm Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho nhóm Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng nhóm Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Ban Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của nhóm Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất

Ban Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của nhóm Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Ban Giám đốc,



Đỗ Thanh Trường

Ngày 12 tháng 8 năm 2024

Số: 2.0490/24/TC-AC

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “nhóm Công ty”), được lập ngày 12 tháng 8 năm 2024, từ trang 05 đến trang 40, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của nhóm Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng và các công ty con tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 2897-2020-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 12 tháng 8 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		424.326.117.657	409.909.722.011
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	51.893.450.426	151.338.088.714
1. Tiền	111		28.893.450.426	46.338.088.714
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.000.000.000	105.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		143.500.000.000	135.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	143.500.000.000	135.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		213.922.545.249	99.385.632.698
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	205.580.635.693	88.839.214.525
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	4.221.688.343	5.755.682.069
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	11.228.720.189	11.763.182.607
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(7.108.498.976)	(6.972.446.503)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		6.777.755.297	7.769.186.971
1. Hàng tồn kho	141	V.7	6.777.755.297	7.769.186.971
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		8.232.366.685	16.416.813.628
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	8.138.915.900	12.860.058.565
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	3.486.284.282
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.13	93.450.785	70.470.781
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		213.814.961.977	206.532.413.598
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		16.000.000.000	15.000.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	16.000.000.000	15.000.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		160.999.092.057	166.251.360.954
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	146.927.783.078	153.560.984.500
<i>Nguyên giá</i>	222		764.541.839.513	753.384.186.820
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(617.614.056.435)	(599.823.202.320)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	14.071.308.979	12.690.376.454
<i>Nguyên giá</i>	228		29.668.930.335	25.666.221.325
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(15.597.621.356)	(12.975.844.871)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		51.412.844	51.412.844
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		51.412.844	51.412.844
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		2.993.528.965	2.594.902.331
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	2.993.528.965	2.594.902.331
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		33.770.928.111	22.634.737.469
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	23.976.488.252	21.902.656.955
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.11	9.794.439.859	732.080.514
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại	269		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		638.141.079.634	616.442.135.609

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		287.188.444.561	251.432.937.602
I. Nợ ngắn hạn	310		268.945.603.104	225.824.943.895
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	49.318.777.465	70.635.306.143
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.039.718	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	23.286.841.559	14.171.874.320
4. Phải trả người lao động	314		62.539.746.802	50.110.698.421
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	48.893.543.935	6.645.451.686
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15a	29.345.905.602	13.657.256.542
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.16a	12.656.054.584	14.757.200.342
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.17	42.890.693.439	55.847.156.441
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		18.242.841.457	25.607.993.707
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.15b	8.766.612.981	8.854.112.981
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.16b	9.476.228.476	16.753.880.726
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		350.952.635.073	365.009.198.007
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.18	350.952.635.073	365.009.198.007
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		199.910.200.000	199.910.200.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.128.836.335	81.594.573.298
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		34.821.637.219	50.804.789.417
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		7.268.891.328	50.804.789.417
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		27.552.745.891	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		29.091.961.519	32.699.635.292
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		638.141.079.634	616.442.135.609

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	511.467.391.188	450.143.840.219
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		511.467.391.188	450.143.840.219
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	390.796.775.618	343.890.837.626
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		120.670.615.570	106.253.002.593
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	4.242.870.796	6.012.206.310
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	835.183.058	1.702.226.864
Trong đó: chi phí lãi vay	23		805.146.772	1.647.409.151
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24	V2.b	398.626.634	(761.202.673)
9. Chi phí bán hàng	25	VI.5	18.968.626.092	16.299.007.876
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	35.385.874.333	31.475.271.522
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		70.122.429.517	62.027.499.968
12. Thu nhập khác	31	VI.7	184.696.152	405.155.704
13. Chi phí khác	32	VI.8	295.072.427	1.609.507.314
14. Lợi nhuận khác	40		(110.376.275)	(1.204.351.610)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		70.012.053.242	60.823.148.358
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51		23.535.699.503	19.703.129.196
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.9	(9.062.359.345)	(6.891.628.613)
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>55.538.713.084</u>	<u>48.011.647.775</u>
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		<u>52.763.514.116</u>	<u>45.647.908.867</u>
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		<u>2.775.198.968</u>	<u>2.363.738.908</u>
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	<u>1.695</u>	<u>1.501</u>
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	<u>1.695</u>	<u>1.501</u>

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Đơn vị tính: VND

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		70.012.053.242	60.823.148.358
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	VI.11	17.676.196.884	20.611.633.310
- Các khoản dự phòng	03	VI.6	136.052.473	955.259.801
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(89.550.387)	(15.148.855)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(4.271.780.710)	(5.111.120.680)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	805.146.772	1.647.409.151
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		84.268.118.274	78.911.181.085
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(109.919.910.628)	(68.121.076.077)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		991.431.674	139.939.249
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		37.278.371.634	26.235.562.756
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.647.311.368	(666.969.134)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(818.320.912)	(1.600.561.142)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.13	(17.426.807.481)	(8.614.377.008)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.17	5.000.000	15.000.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.17	(33.026.495.020)	(11.926.194.072)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(36.001.301.091)	14.372.505.657
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(12.095.742.485)	(5.840.010.895)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(140.500.000.000)	(85.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		132.000.000.000	102.700.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		4.427.599.281	5.479.470.537
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(16.168.143.204)	17.339.459.642

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số minh	Năm nay		Năm trước	
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính					
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-		-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-		-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-		-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.16	(9.378.798.008)	(24.935.269.471)	
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35		-		-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(38.006.966.100)	(47.114.999.700)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(47.385.764.108)	(72.050.269.171)	
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(99.555.208.403)	(40.338.303.872)	
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	151.338.088.714	128.614.313.716	
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		110.570.115	12.427.637	
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	51.893.450.426	88.288.437.481	

Người lập biểu

Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng

Nguyễn Thị Hồng Liên

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Kho vận Tân Cảng (sau đây gọi tắt là “Công ty” hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Dịch vụ đại lý làm thủ tục hải quan, đại lý vận tải hàng hóa;
- Dịch vụ đại lý tàu biển, dịch vụ đóng gói (trừ đóng gói thuốc bảo vệ thực vật);
- Dịch vụ xếp dỡ, vận tải container, dịch vụ kiểm đếm hàng hóa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa trong kho đông lạnh, dịch vụ đại lý tàu biển.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc nhóm Công ty

Nhóm Công ty bao gồm Công ty mẹ và 2 công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ, được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Thông tin về tái cấu trúc nhóm Công ty

Trong kỳ, nhóm công ty không phát sinh việc mua thêm, thanh lý hay thoái vốn tại các công ty con.

5b. Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ lợi ích		Tỷ lệ quyền biểu quyết	
			Số cuối kỳ	Số đầu năm	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái	Cảng Tân Cảng - Cát Lái, số 1295A, đường Nguyễn Thị Định, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải hàng hóa; cho thuê kho bãi và lưu giữ hàng hóa; dịch vụ đóng gói.	57,5%	57,5%	57,5%	57,5%
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực	Số 938A13 Nguyễn Thị Định, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh	Bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa.	51%	51%	51%	51%

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5c. Công ty liên kết được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Nhóm công ty chỉ đầu tư vào 01 công ty liên kết là Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có trụ sở chính tại 9B Tú Xương, phường Võ Thị Sáu, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Hoạt động kinh doanh chính của công ty liên kết này là bốc xếp hàng hóa; kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Tại ngày kết thúc năm tài chính, tỷ lệ vốn góp theo cam kết của Công ty tại công ty liên kết này là 36,00% (tỷ lệ vốn góp thực tế là 40,00%), tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ phần sở hữu tương đương với tỷ lệ vốn góp.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nhóm Công ty có 664 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 654 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của nhóm Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Nhóm Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty mẹ và Báo cáo tài chính của các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi Công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi xác định quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng phát sinh từ các quyền chọn mua hoặc các công cụ nợ và công cụ vốn có thể chuyển đổi thành cổ phiếu phổ thông tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Báo cáo tài chính của công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và áp dụng các chính sách kế toán thống nhất cho các giao dịch và sự kiện cùng loại trong những hoàn cảnh tương tự. Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty khác thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa công ty mẹ và công ty con các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này phải được loại trừ hoàn toàn. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông không kiểm soát thể hiện phần lãi hoặc lỗ trong kết quả kinh doanh và tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Công ty và được trình bày ở khoản mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất (thuộc phần vốn chủ sở hữu). Lợi ích của cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ phát sinh tại công ty con được phân bổ tương ứng với phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát, kể cả trường hợp số lỗ đó lớn hơn phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của công ty con.

Khi Công ty đầu tư để tăng tỷ lệ lợi ích nắm giữ tại công ty con, phần chênh lệch giữa giá phí khoản đầu tư thêm và giá trị ghi sổ của tài sản thuần của công ty con mua thêm tại ngày mua được ghi nhận trực tiếp vào khoản mục "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và các công ty con và ngân hàng.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thực hiện thanh toán.

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc kỳ kế toán được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty và các công ty con mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

5. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi nhóm Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của nhóm Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà nhóm Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Theo đó, khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của nhóm Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi nhóm Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong nhóm Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản lãi, lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được loại trừ tương ứng với phần thuộc về nhóm Công ty khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

6. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và các công ty con và người mua là đơn vị độc lập với Công ty và các công ty con.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc nguyên vật liệu được xác định bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của nhóm Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm và chi phí sửa chữa tài sản cố định. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

Chi phí bảo hiểm

Chi phí bảo hiểm được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn bảo hiểm.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần có giá trị lớn được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

10. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 12
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 10
Tài sản cố định khác	3 - 10

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của nhóm Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà nhóm Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của nhóm Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

13. Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát

Nhóm Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính hợp nhất các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà nhóm Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Nhóm Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

14. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với nhóm Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. **Vốn chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông của Công ty.

16. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

17. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Nhóm Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

18. **Chi phí đi vay**

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

19. **Các khoản chi phí**

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty và các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty và các công ty con dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

21. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất của nhóm Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	1.912.417.108	1.324.178.313
Tiền gửi ngân hàng	26.981.033.318	45.013.910.401
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	23.000.000.000	105.000.000.000
Cộng	<u>51.893.450.426</u>	<u>151.338.088.714</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn từ 6 tháng – 12 tháng lãi suất từ 3,3% - 5%/năm, có giá trị ghi sổ bằng giá gốc.

2b. Đầu tư vào công ty liên kết

Là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express.

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Giá gốc	3.600.000.000	3.600.000.000
Lợi nhuận phát sinh sau ngày đầu tư	(606.471.035)	(1.005.097.669)
Cộng	<u>2.993.528.965</u>	<u>2.594.902.331</u>

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0316787129 ngày 02 tháng 04 năm 2021 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 01 ngày 21 tháng 05 năm 2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty Cổ phần Tân Cảng Express có vốn điều lệ là 50.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư vào Công ty Cổ phần Tân Cảng Express 3.600.000.000 VND, sở hữu 360.000 cổ phần tương đương 40% vốn điều lệ. Vốn điều lệ còn phải đầu tư là 14.400.000.000 VND.

Giá trị phần sở hữu của nhóm Công ty tại công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	2.594.902.331	2.883.913.096
Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	398.626.634	(761.202.673)
Số cuối kỳ	<u>2.993.528.965</u>	<u>2.122.710.423</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với công ty liên kết

Các giao dịch trọng yếu giữa nhóm Công ty với công ty liên kết như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express		
Cung cấp dịch vụ cho Công ty liên kết	6.600.000	-
Sử dụng dịch vụ tại Công ty liên kết	1.534.921.524	-
3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	<i>138.384.052.123</i>	<i>29.107.883.377</i>
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	135.136.375.735	26.942.467.487
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.969.919.540	56.552.040
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	130.262.000	1.104.629.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	133.344.090	125.661.510
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	233.843.000	193.480.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh	728.070.017	458.439.320
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	3.195.940	2.782.020
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	40.176.000	223.872.000
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	8.865.801	-
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	<i>67.196.583.570</i>	<i>59.731.331.148</i>
Cộng	<u>205.580.635.693</u>	<u>88.839.214.525</u>
4. Trả trước cho người bán ngắn hạn		
	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Trả trước cho bên liên quan</i>	<i>891.750.855</i>	<i>1.801.227.243</i>
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	834.597.255	1.728.356.403
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	57.153.600	72.870.840
<i>Trả trước cho người bán khác</i>	<i>3.329.937.488</i>	<i>3.954.454.826</i>
Công ty Cổ phần Mifu	2.323.800.000	-
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Cơ khí Asean	-	2.781.200.000
Các nhà cung cấp khác	1.006.137.488	1.173.254.826
Cộng	<u>4.221.688.343</u>	<u>5.755.682.069</u>



CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	2.261.582.696	-	2.089.137.950	-
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Tiền ăn ca, phí làm hàng, thu chi hộ	2.219.862.696	-	2.083.337.950	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái- Các khoản chi hộ	5.800.000	-	5.800.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân cảng Thạnh Phước - Các khoản chi hộ	31.800.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng Tây Ninh - Các khoản chi hộ	4.120.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	8.967.137.493 (371.810.478)		9.674.044.657 (375.959.956)	
Lãi dự thu tiền gửi có kỳ hạn	1.545.512.329	-	2.099.957.534	-
Ký cược, ký quỹ	1.401.438.046	-	230.700.000	-
Tạm ứng	2.839.810.670	-	3.101.024.997	-
Các khoản chi hộ	2.441.699.624 (371.810.478)		3.714.433.021 (375.959.956)	
Các khoản phải thu khác	738.676.824	-	527.929.105	-
Cộng	11.228.720.189 (371.810.478)		11.763.182.607 (375.959.956)	

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Đặt cọc tiền thuê đất	16.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty TNHH Hiệp Lực (xem thuyết minh VII.1)	15.000.000.000	-	15.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Hai Hai Mười Hai	1.000.000.000	-	-	-
Cộng	16.000.000.000	-	15.000.000.000	-

6. Nợ xấu

Là các khoản trích lập dự phòng phải thu khó đòi của khách hàng.

	Thời gian quá hạn	Số cuối kỳ		Thời gian quá hạn	Số đầu năm	
		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng		Giá gốc	Giá trị đã lập dự phòng
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Hải Lưu	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)	Trên 3 năm	441.997.000	(441.997.000)
Công ty TNHH Innopack Việt Nam	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)	Trên 3 năm	2.972.614.417	(2.972.614.417)
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sơn Trung Phát	Trên 3 năm	1.214.976.609	(1.214.976.609)	Từ 2 năm đến dưới 3 năm	1.214.976.609	(850.483.626)
Công ty TNHH Giao nhận Vận tải Hiệp Toàn	Trên 3 năm	721.400.000	(721.400.000)	Trên 3 năm	721.400.000	(721.400.000)
Các khách hàng khác		1.790.690.950	(1.757.510.950)		2.151.036.150	(1.985.951.460)
Cộng		7.141.678.976	(7.108.498.976)		7.502.024.176	(6.972.446.503)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	6.972.446.503	5.673.498.887
Trích lập dự phòng bổ sung	496.397.673	1.028.383.801
Hoàn nhập dự phòng	(360.345.200)	(73.124.000)
Số cuối kỳ	<u>7.108.498.976</u>	<u>6.628.758.688</u>

7. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nguyên liệu, vật liệu	6.245.382.189	7.254.369.076
Công cụ, dụng cụ	168.259.336	406.008.141
Hàng hóa	364.113.772	108.809.754
Cộng	<u>6.777.755.297</u>	<u>7.769.186.971</u>

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	1.182.772.812	5.183.912.076
Chi phí sửa chữa	4.130.758.457	5.362.546.809
Chi phí bảo hiểm	1.825.706.018	1.536.865.930
Các chi phí khác	999.678.613	776.733.750
Cộng	<u>8.138.915.900</u>	<u>12.860.058.565</u>

8b. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công cụ, dụng cụ	3.134.123.012	4.982.602.772
Chi phí sửa chữa	19.255.987.652	14.901.194.874
Các chi phí khác	1.586.377.588	2.018.859.309
Cộng	<u>23.976.488.252</u>	<u>21.902.656.955</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	172.530.944.551	290.048.859.882	223.796.425.328	8.363.925.143	58.644.031.916	753.384.186.820
Mua trong kỳ	-	268.000.000	7.127.962.968	1.252.220.125	2.509.469.600	11.157.652.693
Số cuối kỳ	172.530.944.551	290.316.859.882	230.924.388.296	9.616.145.268	61.153.501.516	764.541.839.513

Trong đó:

Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	48.922.613.962	153.891.525.378	179.838.124.238	4.823.425.743	44.174.082.947	431.649.772.268
Chờ thanh lý	-	-	-	2.630.385.963	-	2.630.385.963

Giá trị hao mòn

Số đầu năm	99.486.079.766	244.103.861.531	197.947.908.740	5.205.073.017	53.080.279.266	599.823.202.320
Khấu hao trong kỳ	4.231.634.784	7.782.353.775	4.199.611.361	440.181.042	1.137.073.153	17.790.854.115
Số cuối kỳ	103.717.714.550	251.886.215.306	202.147.520.101	5.645.254.059	54.217.352.419	617.614.056.435

Giá trị còn lại

Số đầu năm	73.044.864.785	45.944.998.351	25.848.516.588	3.158.852.126	5.563.752.650	153.560.984.500
Số cuối kỳ	68.813.230.001	38.430.644.576	28.776.868.195	3.970.891.209	6.936.149.097	146.927.783.078

Trong đó:

Tạm thời chưa sử dụng, chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
-------------------------------------	---	---	---	---	---	---

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 31.276.282.929 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Tài sản cố định vô hình

Là phần mềm máy vi tính.

	<u>Nguyên giá</u>	<u>Giá trị hao mòn</u>	<u>Giá trị còn lại</u>
Số đầu năm	25.666.221.325	(12.975.844.871)	12.690.376.454
Mua trong kỳ	4.002.709.010	-	4.002.709.010
Khấu hao trong kỳ	-	(2.621.776.485)	(2.621.776.485)
Số cuối kỳ	29.668.930.335	(15.597.621.356)	14.071.308.979

Một số tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng có nguyên giá là 9.055.401.930 VND.

11. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

11a. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã ghi nhận

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ. Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	732.080.514	1.021.848.874
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	9.062.359.345	6.891.628.613
Phát sinh trong năm	9.794.439.859	7.913.477.487
Hoàn nhập trong năm	(732.080.514)	(1.021.848.874)
Số cuối kỳ	9.794.439.859	7.913.477.487

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20%.

11b. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa được ghi nhận

Nhóm Công ty chưa ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho những khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ là Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ do phát sinh nhỏ.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	20.299.031.892	15.079.295.827
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	2.153.196.802	757.691.138
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	4.286.434.000	6.604.925.844
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	9.541.204.615	5.132.407.384
Công ty TNHH Phát triển Nguồn Nhân lực Tân Cảng - STC	120.908.000	81.825.062
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	-	7.471.440
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	160.675.920	620.800.400
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	736.356.180	1.043.147.360
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	793.884.040	-
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	12.432.960	-
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	193.016.520	166.737.960

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	370.774.424	374.868.439
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	-	1.860.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	803.098.800	198.882.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	89.110.800	88.678.800
Công ty Cổ phần Xây dựng Công trình Tân Cảng	1.037.938.831	-
Phải trả các nhà cung cấp khác	29.019.745.573	55.556.010.316
Cộng	49.318.777.465	70.635.306.143

Nhóm Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	614.288.433	-	16.610.830.816	(13.077.557.750)	4.147.561.499	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.582.805.581	-	23.535.699.503	(17.426.807.481)	17.742.630.951	50.933.348
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp hộ cho bên liên doanh	-	-	326.560.198	-	326.560.198	-
Thuế thu nhập cá nhân	1.974.780.306	57.813.140	9.393.045.895	(10.269.783.946)	1.070.088.911	29.859.796
Lệ phí môn bài	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	12.657.641	62.027.582	(62.027.582)	-	-12.657.641
Cộng	14.171.874.320	70.470.781	49.936.163.994	(40.844.176.759)	23.286.841.559	93.450.785

Thuế giá trị gia tăng

Công ty và các công ty con nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Dịch vụ lưu kho bãi, cho thuê phương tiện và các dịch vụ đi kèm 8%
- Cho thuê văn phòng và quyền sử dụng đất 10%

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty và các công ty con phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20% (cùng kỳ năm trước thuế suất là 20%).

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty và các công ty con được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Các loại thuế khác

Công ty và các công ty con kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**14. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	26.763.528.736	1.435.299.045
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	25.193.682.725	1.313.585.934
<i>Chi phí thuê cơ sở hạ tầng</i>	22.071.132.000	-
<i>Tiền ăn ca, nâng hạ, sử dụng điện nước</i>	3.122.550.725	1.313.585.934
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	89.193.796	-
- Chi phí xăng dầu		
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	478.722.030	-
- Chi phí thuê xe nâng		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	160.359.537	-
- Chi phí vệ sinh, sửa chữa cont		
Phải trả chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	841.570.648	121.713.111
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung</i>	3.028.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu</i>	88.316.000	-
<i>Công ty Cổ phần Tiếp Vận Tân Cảng - Vũng Tàu</i>	60.100.000	-
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng</i>	30.978.000	2.208.000
<i>Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng</i>	446.322.000	-
<i>Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xây dựng Tân Cảng</i>	209.282.648	119.505.111
<i>Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước</i>	3.544.000	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	22.130.015.199	5.210.152.641
Chi phí lãi vay phải trả	30.604.480	43.778.620
Chi phí bốc xếp, nâng hạ, vận chuyển	15.897.257.624	3.423.886.912
Chi phí hoa hồng	2.237.484.802	771.647.775
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	3.964.668.293	970.839.334
Cộng	48.893.543.935	6.645.451.686

15. Phải trả khác**15a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	12.556.607.313	846.214.970
Công ty TNHH MTV Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn - Cổ tức phải trả	10.953.510.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Lãi hợp tác kinh doanh	1.306.240.797	846.214.970
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Vũng Tàu	152.190.000	-
- Các khoản thu chi hộ		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	31.666.516	-
- Các khoản thu chi hộ		
Thù lao HĐQT, BKS	113.000.000	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	16.789.298.289	12.811.041.572
Kinh phí công đoàn	864.792.435	1.216.185.542
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp	1.132.510.314	1.667.458.132
Nhận ký quỹ, ký cược	1.940.331.047	2.133.645.001

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí hoa hồng	1.099.059.544	-
Cổ tức phải trả	3.258.493.750	2.688.725.850
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	8.494.111.199	5.105.027.047
Cộng	<u>29.345.905.602</u>	<u>13.657.256.542</u>

15b. Phải trả dài hạn khác

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Phải trả các bên liên quan	<u>8.621.612.981</u>	<u>8.621.612.981</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Hạ tầng Tân Cảng - Phải trả về vốn góp hợp tác kinh doanh ^(*)	8.621.612.981	8.621.612.981
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	<u>145.000.000</u>	<u>232.500.000</u>
Nhận ký quỹ, ký cược	145.000.000	232.500.000
Cộng	<u>8.766.612.981</u>	<u>8.854.112.981</u>

(*) Là khoản hợp tác đầu tư giữa Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) với Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Hạ tầng Tân Cảng theo Hợp đồng hợp tác kinh doanh mua cầu khung để cho thuê ngày 09 tháng 6 năm 2015, thời hạn hợp tác kinh doanh là 11 năm. Tỷ lệ vốn góp của Công ty con là 40%, lợi nhuận hàng tháng sẽ được xác định sau khi được hạch toán tất cả các phí quản lý liên quan đến vận hành cầu và chi phí trả lãi và gốc trên vốn vay ngân hàng cũng như hoàn tất các khoản nghĩa vụ đối với Nhà nước, lợi nhuận còn lại sẽ được chia đều theo tỷ lệ vốn góp của mỗi bên.

15c. Nợ quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

16. Vay

16a. Vay ngắn hạn

Là các khoản vay dài hạn đến hạn trả, bao gồm: (Xem thuyết minh V.16b)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú	12.656.054.584	12.103.554.626
Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố Hồ Chí Minh	-	214.285.716
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	-	2.439.360.000
Cộng	<u>12.656.054.584</u>	<u>14.757.200.342</u>

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn đến hạn trả.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong kỳ như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Số đầu năm	14.757.200.342	16.637.572.027
Kết chuyển từ vay dài hạn	7.277.652.250	6.924.694.506
Số tiền vay đã trả trong kỳ	(9.378.798.008)	(10.054.749.093)
Số cuối kỳ	<u>12.656.054.584</u>	<u>13.507.517.440</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

16b. Vay dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh An Phú (*)	9.476.228.476	16.753.880.726
Cộng	9.476.228.476	16.753.880.726

(*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Quân đội – Chi nhánh An Phú bao gồm:

- Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái (Công ty con) vay theo các hợp đồng vay trong năm 2015, 2018, 2023 để mua sắm các tài sản cố định. Thời hạn vay từ 60 tháng đến 120 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên của hợp đồng vay. Lãi suất các khoản vay trong năm từ 6,8% - 10,30%/năm.. Tài sản đảm bảo là các tài sản cố định hình thành từ vốn vay.
- Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực (Công ty con) vay theo các hợp đồng ký kết tháng 12 năm 2019 để mua các tài sản cố định (xe đầu kéo, cầu gắp container), thời hạn vay từ 48 tháng đến 60 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đến ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất trong năm từ 11,00% - 11,50%. Khoản vay được đảm bảo bằng việc thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay.

Nhóm Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn. Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	12.656.054.584	13.507.517.440
Trên 1 năm đến 5 năm	9.476.228.476	19.169.379.484
Trên 5 năm	-	528.571.436
Cộng	22.132.283.060	33.205.468.360

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay dài hạn như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	16.753.880.726	41.503.165.804
Số tiền vay đã trả	-	(14.880.520.378)
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(7.277.652.250)	(6.924.694.506)
Số cuối kỳ	9.476.228.476	19.697.950.920

16c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Nhóm Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Quỹ khen thưởng	Quỹ phúc lợi	Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	Cộng
Số đầu năm	15.845.075.085	39.034.372.544	967.708.812	55.847.156.441
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	9.528.449.049	10.285.541.781	251.041.188	20.065.032.018
Tăng khác	5.000.000	-	-	5.000.000
Chi quỹ trong kỳ	(6.583.150.000)	(25.224.595.020)	(1.218.750.000)	(33.026.495.020)
Số cuối kỳ	18.795.374.134	24.095.319.305	-	42.890.693.439

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18. Vốn chủ sở hữu**18a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích của cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	199.910.200.000	71.272.307.224	50.493.849.105	31.048.871.397	352.725.227.726
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	45.647.908.867	2.363.738.908	48.011.647.775
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(43.980.244.000)	(4.530.000.000)	(48.510.244.000)
Công ty mẹ trích quỹ từ lợi nhuận trong năm trước	-	-	(61.144.570)	-	(61.144.570)
Công ty mẹ trích quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	4.854.142.719	(20.279.146.855)	-	(15.425.004.136)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	-	(219.340.994)	(162.121.603)	(381.462.597)
Công ty con trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	509.854.398	(817.797.798)	(295.867.189)	(603.810.589)
Số dư cuối kỳ này	199.910.200.000	76.636.304.341	30.784.083.756	28.424.621.513	335.755.209.610
Số dư đầu năm nay	199.910.200.000	81.594.573.298	50.804.789.417	32.699.635.292	365.009.198.007
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	52.763.514.116	2.775.198.968	55.538.713.084
Chia cổ tức từ lợi nhuận năm trước	-	-	(43.980.244.000)	(5.550.000.000)	(49.530.244.000)
Công ty mẹ trích quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	5.648.578.587	(23.924.411.919)	-	(18.275.833.332)
Công ty con trích các quỹ từ lợi nhuận trong kỳ	-	345.684.450	(946.356.307)	(512.970.223)	(1.113.642.080)
Công ty con trích lập các quỹ từ lợi nhuận năm trước	-	(460.000.000)	104.345.912	(319.902.518)	(675.556.606)
Số dư cuối kỳ này	199.910.200.000	87.128.836.335	34.821.637.219	29.091.961.519	350.952.635.073

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

18b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	117.970.500.000	117.970.500.000
Các cổ đông khác	81.939.700.000	81.939.700.000
Cộng	<u>199.910.200.000</u>	<u>199.910.200.000</u>

18c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu phổ thông đăng ký phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	19.991.020	19.991.020
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	19.991.020	19.991.020

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

18d. Phân phối lợi nhuận

Công ty mẹ

Trong kỳ, Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 01/2024/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2024 như sau:

	<u>VND</u>
Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 43.980.244.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này	
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 5.648.578.587
• Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	: 18.275.833.332

Công ty Cổ phần Tiếp vận Cát Lái

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 ngày 11 tháng 4 năm 2024 như sau:

Phân phối lợi nhuận năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 9.600.000.000
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 71.080.299
• Hoàn trích quỹ đầu tư phát triển	: 800.000.000
• Trích thưởng Người quản lý	: 100.000.000
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 503.298.403
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 373.504.304

Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Lực

Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2024 số 30/NQ-ĐHĐCĐ-TCHL-2024 ngày 12 tháng 04 năm 2023 như sau:

Phân phối từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm trước	
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 3.000.000.000
• Trích bổ sung quỹ, khen thưởng, phúc lợi	: 353.435.120
• Trích thưởng Người quản lý	151.041.188
Tạm phân phối lợi nhuận sau thuế kỳ này	
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 610.343.677
• Trích quỹ đầu tư phát triển	: 256.704.853

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ

Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tiền bao gồm 346.306,62 USD (số đầu năm là 302.698,31 USD).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1a. Tổng doanh thu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	23.083.345	19.597.091
Doanh thu cung cấp dịch vụ	511.444.307.843	450.124.243.128
Cộng	511.467.391.188	450.143.840.219

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	212.001.947.388	212.026.922.323
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	3.612.733.706	603.327.273
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	252.720.500	690.706.600
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	351.455.500	363.154.750
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	1.209.729.897	808.468.356
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	9.000.000	17.000.000
Công ty Cổ phần Cảng Tân Cảng Hiệp Phước	321.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	18.632.296	20.193.074
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	37.373.148	129.443.181
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	8.490.000
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng - Long Bình	-	3.090.910
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	-	5.000.000
Công ty Cổ phần Vận tải thủy Tân Cảng	8.209.075	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	10.600.000	-
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	364.345.000	237.718.182

2. Giá vốn hàng bán

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	21.590.257	-
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	390.775.185.361	343.890.837.626
Cộng	390.796.775.618	343.890.837.626

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.873.154.076	5.872.323.353
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	280.166.333	124.171.978
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	89.550.387	15.710.979
Cộng	4.242.870.796	6.012.206.310

4. Chi phí tài chính

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	805.146.772	1.647.409.151
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	30.036.286	54.255.589
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	562.124
Cộng	835.183.058	1.702.226.864

5. Chi phí bán hàng

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi hoa hồng dịch vụ	15.926.695.635	12.943.734.607
Chi phí khác	3.041.930.457	3.355.273.269
Cộng	18.968.626.092	16.299.007.876

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.845.380.539	9.553.550.496
Chi phí vật liệu quản lý	603.388.408	568.758.904
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.299.393.032	516.703.683
Chi phí khấu hao tài sản cố định	496.740.049	471.071.182
Thuế, phí và lệ phí	100.690.305	131.582.212
Dự phòng/(Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	136.052.473	955.259.801
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.976.693.059	2.478.752.470
Các chi phí khác	19.927.536.468	16.799.592.774
Cộng	35.385.874.333	31.475.271.522

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Thu nhập khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thu tiền phạt nhiên liệu đội cơ giới	142.661.202	172.039.452
Tiền bồi thường	-	229.812.850
Các khoản thu nhập khác	42.034.950	3.303.402
Cộng	184.696.152	405.155.704

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	12.737.387	411.095.560
Chi phí phải trả thường nhiên liệu	164.799.852	172.202.514
Phạt vi phạm hợp đồng (thanh toán nợ vay trước hạn)	15.107.143	796.616.296
Các khoản chi phí khác	102.428.045	229.592.944
Cộng	295.072.427	1.609.507.314

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	(9.794.439.859)	(7.913.477.487)
Hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	732.080.514	1.021.848.874
Cộng	(9.062.359.345)	(6.891.628.613)

10. Lãi trên cổ phiếu

10a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	52.763.514.116	45.647.908.867
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(18.876.505.188)	(15.644.345.129)
<i>Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi, quỹ Ban điều hành</i>	<i>(18.876.505.188)</i>	<i>(15.644.345.129)</i>
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	33.887.008.928	30.003.563.738
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	19.991.020	19.991.020
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	1.695	1.501

10b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán đến ngày công bố Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	45.818.751.484	41.037.505.128
Chi phí nhân công	132.514.847.077	120.130.864.471
Chi phí khấu hao tài sản cố định	17.676.196.884	20.611.633.310
Chi phí dịch vụ mua ngoài	203.577.474.681	168.839.040.740
Chi phí khác	45.542.415.660	41.046.073.375
Cộng	445.129.685.786	391.665.117.024

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các cam kết thuê hoạt động

Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn:

Theo Hợp đồng thuê cơ sở hạ tầng cảng số 1989 ngày 19 tháng 11 năm 2010, Công ty thuê cơ sở hạ tầng và các hạng mục công trình thuộc Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn nằm ở địa phận phường 22, quận Bình Thạnh và phường Cát Lái, Quận 2, thành phố Hồ Chí Minh. Hợp đồng có hiệu lực từ ngày 01 tháng 01 năm 2010, thời hạn thuê là 10 năm. Hợp đồng không hủy ngang. Việc gia hạn hợp đồng thuê được tiến hành ít nhất 3 tháng trước khi hết hạn hợp đồng. Hiện tại hai bên đang thực hiện ký phụ lục hợp đồng hàng năm về thời gian và đơn giá thuê.

Tổng chi phí thuê phát sinh kỳ này là 22.071.132.000 VND (kỳ trước là 22.071.132.000 VND).

Công ty TNHH Hiệp Lực:

Theo Văn bản sửa đổi bổ sung hợp đồng thuê quyền sử dụng đất ngày 30 tháng 3 năm 2023 của hợp đồng thuê quyền sử dụng đất số 759/KVTC-HL ngày 19, 20 tháng 12 năm 2019, Công ty thuê quyền sử dụng đất của Công ty TNHH Hiệp Lực tại xã Thạnh Mỹ Lợi, phường Thạnh Mỹ Lợi, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh để kinh doanh kho bãi container. Thời hạn thuê 10 năm kể từ ngày 01/01/2020 đến ngày 01/01/2030. Hợp đồng không hủy ngang. Chuyển đổi tiền trả trước cho Công ty TNHH Hiệp Lực thành tiền đặt cọc, số tiền 15.000.000.000 VND (Xem thuyết minh V.5b). Đơn giá thuê bao gồm cả VAT như sau:

- Giai đoạn 1, từ 01/01/2020 – 01/01/2024: đơn giá thuê là 25.000 VND/m²/tháng đối với bãi và 56.000 VND/m²/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 2, từ 02/01/2024 – 01/01/2027: đơn giá thuê là 27.500 VND/m²/tháng đối với bãi và 61.600 VND/m²/tháng đối với kho;
- Giai đoạn 02/01/2027 – 01/01/2030, đơn giá sẽ được điều chỉnh theo sự thống nhất của hai bên, tuy nhiên đơn giá điều chỉnh không được vượt quá 10% so với đơn giá đã ký ở Giai đoạn 2.

Tổng chi phí thuê phát sinh kỳ này là 3.377.628.000 VND (kỳ trước là 3.070.570.910 VND).

2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với nhóm Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

2a. **Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và các thành viên Ban điều hành (Ban Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Nhóm Công ty không phát sinh giao dịch và không có số dư công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Chức vụ	Tiền lương	Thưởng	Thưởng BQLĐH	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	315.022.413	94.248.978	80.694.444	8.000.000	497.965.835
	Thành viên HĐQT					
Ông Đỗ Thanh Trường	kiêm Giám đốc (Bổ nhiệm 25/4/2024)	113.671.047	10.245.942	-	20.000.000	133.916.989
	Thành viên HĐQT					
Ông Trần Quang Thảo	kiêm Giám đốc (Miễn nhiệm 25/4/2024)	211.651.568	88.645.892	202.817.332	60.000.000	563.114.792
	Thành viên HĐQT					
Ông Đoàn Phi	kiêm Phó Giám đốc	251.966.215	76.971.462	61.481.481	30.000.000	420.419.158
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	-	-	57.638.889	30.000.000	87.638.889
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-	57.638.889	30.000.000	87.638.889
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	-	-	46.111.111	30.000.000	76.111.111
Bà Nguyễn Thị Huyền	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 25/4/2024)	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Bà Nguyễn Thị Hồng Vân	Thành viên BKS (Bổ nhiệm 25/4/2024)	-	-	-	5.000.000	5.000.000
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS (Miễn nhiệm 25/4/2024)	-	-	23.055.556	10.000.000	33.055.556
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	249.973.384	74.367.990	49.953.704	-	374.295.078
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	170.575.711	51.519.736	65.598.564	33.000.000	320.694.011
Cộng		1.312.860.338	396.000.000	668.045.526	261.000.000	2.637.905.864
Kỳ trước						
Ông Ngô Văn Ngự	Chủ tịch HĐQT	312.447.227	91.639.501	79.698.796	-	483.785.524
	Thành viên HĐQT					
Ông Trần Quang Thảo	kiêm Giám đốc	306.750.146	93.310.590	143.838.716	101.333.333	645.232.785
	Thành viên HĐQT					
Ông Đoàn Phi	kiêm Phó Giám đốc	238.910.241	72.679.077	60.722.892	30.000.000	402.312.210
Ông Trịnh Văn Mọi	Thành viên HĐQT	-	-	56.927.711	30.000.000	86.927.711
Ông Đỗ Xuân Minh	Thành viên HĐQT	-	-	56.927.711	30.000.000	86.927.711
Bà Nguyễn Thị Thúy Nga	Trưởng BKS	-	-	24.668.675	30.000.000	54.668.675
Ông Nguyễn Hồng Sơn	Thành viên BKS	-	-	13.283.133	15.000.000	28.283.133
Bà Nguyễn Thị Thu Hà	Thành viên BKS	-	-	13.283.133	15.000.000	28.283.133
Ông Bùi Văn Bằng	Phó Giám đốc	243.917.050	72.679.077	49.337.349	-	365.933.476
Bà Nguyễn Thị Hồng Liên	Kế toán trưởng	157.150.050	47.691.755	55.774.724	51.000.000	311.616.529
Cộng		1.259.174.714	378.000.000	554.462.840	302.333.333	2.493.970.887

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại các thuyết minh số V.15a.

2b. *Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác*

Các bên liên quan khác có phát sinh giao dịch với Nhóm Công ty trong kỳ gồm

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Tân Cảng Express	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Sóng Thần	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Công trình Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần ICD Tân Cảng Long Bình	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng Hiệp Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Cảng Quốc tế Tân Cảng - Cái Mép	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng - STC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Tây Ninh	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Tiếp vận SITC Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Dịch vụ Tân Cảng Thạnh Phước	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Tiếp vận Tân Cảng Hồng Ngọc Phú Quốc	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tan Cang Shipping	Công ty cùng Tập đoàn

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài các giao dịch cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan khác đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Nhóm Công ty còn phát sinh các giao dịch trọng yếu khác với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Kỳ này</u>	<u>Kỳ trước</u>
Công ty TNHH Một thành viên Tổng Công ty Tân Cảng Sài Gòn		
Công ty mẹ cung cấp dịch vụ	4.719.249.363	4.145.308.150
Công ty mẹ cho thuê Cơ sở Hạ tầng	22.071.132.000	22.071.132.000
Chia cổ tức cho Công ty mẹ	25.953.510.000	25.953.510.000
Công ty Cổ phần Giải pháp Công nghệ Thông tin Tân Cảng		
Mua phần mềm	5.710.831.927	1.869.561.775
Cung cấp dịch vụ	6.429.738.610	10.454.572.643
Mua hàng và sử dụng dịch vụ của các đơn vị cùng Tập đoàn:		
Công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Tân Cảng	13.028.279.097	13.469.843.852
Công ty Cổ phần Vận tải Thủy Tân Cảng	58.586.000	62.998.000
Công ty Cổ phần Vận tải Bộ Tân Cảng	864.758.000	621.563.800
Công ty Cổ phần Đại lý Giao nhận Vận tải Xếp dỡ Tân Cảng	1.389.318.360	1.486.597.068
Công ty TNHH Phát triển Nguồn nhân lực Tân Cảng – STC	240.891.519	28.972.727
Công ty Cổ phần Tân Cảng - Phú Hữu	531.308.000	616.346.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Miền Trung	12.834.000	6.440.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng - Vũng Tàu	1.081.210.000	220.200.000
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Hiệp Phước	84.880.696	46.083.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Container Tân Cảng	1.487.512.703	1.748.219.652
Công ty Cổ phần Tiếp vận Quốc tế Cảng Cát Lái	-	69.500.000
Công ty Cổ phần Dịch vụ Cảng Tân Cảng Thạnh Phước	209.500.000	1.684.520.000
Công ty TNHH Dịch vụ Kho bãi Tân Cảng Shipping	8.324.074	11.836.363
Công ty Cổ phần Tiếp vận Tân Cảng Đồng Nai	-	16.000.000
Công ty Cổ phần Tân Cảng Cái Mép	-	56.000.000

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.4, V.5a, V.12, V.14 và V.15.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

3. Thông tin về bộ phận

Nhóm Công ty chỉ hoạt động trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ xếp dỡ bốc xếp, thực hiện trên địa bàn khu vực Cảng Cát Lái, trong phạm vi lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Nhóm Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý địa lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẠN TÂN CẢNG

Địa chỉ: Cảng Tân Cảng - Cát Lái, phường Cát Lái, thành phố Thủ Đức, thành phố Hồ Chí Minh

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2024

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Lập, ngày 12 tháng 8 năm 2024

Người lập biểu



Nguyễn Cẩm Trang

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Liên

Giám đốc



Đỗ Thanh Trường

